

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

Bản án số:232/2020/HS-ST

Ngày: 28-5-2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Bích Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Tuấn Hưởng

2. Bà Nguyễn Thị Nhung

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Kim Oanh – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại hội trường Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 221/2020/TLST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 267/2020/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo: **Nguyễn Lâm T-** sinh ngày 20/9/1975, tại tỉnh Thái Nguyên.

Nơi đăng ký HKTT: tổ i, phường HVT, TPTN; Chỗ ở: tổ b, phường HVT, TPTN; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; Con ông: Nguyễn Mạnh S (đã chết) và bà: Vũ Thị L, sinh năm 1945; Gia đình bị cáo có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai; vợ: Vũ Thị H, sinh năm 1977 đã ly hôn năm 2010; bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2008; con nhỏ sinh năm 2011; Tiền án không;

Tiền sự: 01- Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 00081096 ngày 21/11/2018 Công an thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 750.000 đồng về hành vi “*Đánh nhau*”, đã nộp phạt tiền ngày 10/4/2019 BL 94-95

Nhân thân: 04

- Tại Bản án số 138 ngày 20/5/1997 Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt Nguyễn Văn T (Nguyễn Lâm T) 36 tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” chấp hành xong án phạt tù ngày 30/8/1999, thi hành án phí và phạt ngày 14/12/1999.

- Tại Bản án số 89 ngày 19/6/2002 Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xử phạt Nguyễn Lâm T 05 năm tù về tội “*Lưu hành tiền giả*” và “*Đưa hối lộ*” có phạt bổ sung 01triệu đồng, ngày 27/9/2004 đã thi hành xong.

- Tại Bản án số 25/2016/HSST ngày 27/4/2016 Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang xử phạt Nguyễn Lâm T 09 tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”, thi hành án phí 7/7/2016.

-Tại Quyết định số 0033468 ngày 23/4/2020 Trưởng Phòng cảnh sát quản lý hành chính và trật tự xã hội Công an tỉnh Thái Nguyên xử phạt hành chính 3.000.000 đồng về hành vi “Không giao nộp vũ khí theo quy định”

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/11/2019 đến nay, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên – Có mặt tại phiên tòa.

***Người làm chứng:**

1) Chị Phạm Thị H, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Nơi cư trú: tổ n, phường TT, TPTN

2) Anh Nguyễn Đại Q, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà o, tổ m, phường QV, TPTN

3) Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1998 (vắng mặt)

Nơi cư trú: xóm TB, xã VT, huyện PL, tỉnh TN.

4) Anh Trần Sỹ T, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Nơi cư trú: tổ p, phường PX, TPTN

5) Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1974 (có mặt)

Nơi cư trú: tổ q, thị trấn HS, huyện PB, tỉnh TN

***Người chứng kiến:**

1) Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1951 (vắng mặt)

Nơi cư trú: tổ b, phường HVT, TPTN

2) Chị Phạm Thị Như Q, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Nơi cư trú: tổ b, phường HVT, TPTN

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 13/11/2019 Nguyễn Lâm T rủ Nguyễn Đại Q, sinh năm 1980, trú tại tổ v, phường QV, TPTN đến nhà của vợ chồng Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1975 và Phạm Thị H sinh năm 1979, trú tại tổ n, phường TT, TPTN để giải quyết về chiếc xe mô tô T đã cầm cố trước đó. T xác định khoảng 24 giờ cùng ngày, sau khi giải quyết xong về chiếc xe mô tô, T chuẩn bị ra về thì H nói với T “Em nhờ anh týt, anh ra đây cùng em”, sau đó, T đèo H bằng chiếc xe Honda SH đi theo chỉ dẫn của H về phía khu vực đường tròn Gang Thép. Trên đường đi H nói với T có khẩu súng nhờ cầm về nhà cất hộ, T đồng ý, khi đi đến khu vực bờ hồ Gang Thép, H xuống xe vào vệ cỏ lấy một vật dài khoảng hơn 1m, được bọc bên ngoài bằng bao tải dừa màu trắng rồi đưa cho T, T cầm và nhận biết được đây là khẩu súng rồi mang đặt dọc bên phải xe mô tô. Sau đó H

đều T đến khu vực cổng Bệnh viện Gang Thép nơi Q ngồi trên taxi đang đợi, khi thấy xe Taxi T xuống xe mô tô cầm bọc súng sau đó đặt dưới sàn hàng ghế sau xe taxi và cùng Q đi xe về nhà trọ của T tại tổ b, phường HVT, TPTN, trên đường đi Q có hỏi T là vật gì, T có nói là dao H cho T. Đến khoảng 01 giờ ngày 14/11/2019 cả hai về đến nơi thuê trọ, Q ở ngoài quét sân, T mang khẩu súng vào buồng rồi chốt cửa lại và mở bao tải ra thì thấy có 01 khẩu súng được bọc bằng một chiếc áo sơ mi màu đen, do sợ người khác phát hiện, T đã dùng tô vít tháo khẩu súng làm 2 phần, phần thân súng gồm (Nòng súng, cò súng, hộp đạn, búa đập, kim hỏa, thước ngắm) sau đó cất giấu dưới gầm giường buồng ngủ; phần báng súng và chiếc áo sơ mi T đưa cho Q cất giấu xuống bếp.

Nhận được tin báo nơi thuê trọ của T có hành vi tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng tổ công tác của công an tỉnh Thái Nguyên tiến hành kiểm tra tại nơi thuê trọ của Nguyễn Lâm T tại tổ b, phường HVT, TPTN hồi 06 giờ ngày 14/11/2019. Quá trình kiểm tra T tự giác giao nộp cho tổ công tác 01 khẩu súng dài khoảng 1,2m, có báng súng bằng gỗ dài 82cm, thân súng dài 70cm, phần thân súng có ký hiệu 1943TM18888, búa đập có ký hiệu Φ 5999, súng có các bộ phận gồm: Báng súng, nòng súng, hộp đạn, cò súng, búa đập, kim hỏa, thước ngắm (niêm phong ký hiệu T1). Ngoài ra T còn giao nộp: 01 (Một) dao ngắn dài 68cm có cán gỗ dài 38cm, lưỡi dao dài 30cm; 01 dao phay tự chế chiều dài khoảng 75cm trong đó lưỡi dao dài 40cm, chuôi dao bằng nhựa dài 35cm, bản dao rộng 07cm, một lưỡi sắc, đầu dao bằng; 01 kiếm tự chế bằng kim loại, chiều dài 87cm, trong đó chuôi bằng gỗ dài 24cm, lưỡi kiếm dài 64cm có bao ốp bên ngoài bằng gỗ màu vàng, tổ công tác tiến hành lập biên bản làm việc, tạm giữ và niêm phong các đồ vật trên.

Cùng ngày cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên đã thực hiện lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của T tại nhà số 14 và căn hộ số 501, tòa nhà A2, chung cư Tiến Bộ đều thuộc tổ b, phường HVT, TPTN. Tại căn hộ số 501 đã thu giữ trong tủ quần áo tại phòng ngủ số 01 được 01 (một) khẩu súng ngắn tự chế có chiều dài khoảng 50cm, báng gỗ dài khoảng 50cm, thân súng dài khoảng 32,5cm, súng còn có các bộ phận gồm: Cò súng, búa đập, nòng súng (niêm phong ký hiệu T4); thu 01 thanh kiếm bằng kim loại dài 60cm, phần tay cầm bọc gỗ dài 14,5cm thân kiếm dài 45,5cm tại gầm bàn uống nước trong phòng khách và 01 rìu bằng kim loại dài 37,5cm, tổ công tác đã tiến hành niêm phong thu giữ vật chứng theo quy định. Tại nhà số 14 không phát hiện thu giữ gì.

Tại kết luận giám định số 6851/C09 (P3) ngày 15/11/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ công an xác định: Mẫu cần giám định 01 khẩu súng, trên thân súng có ký hiệu 1943ΓBM1888 (QĐTC ghi thân súng có kí hiệu 1943 BM 1888) kết luận: Khẩu súng gửi giám định là súng trường K44, thuộc vũ khí quân dụng.

Tại bản Kết luận giám định số 7907/C09 (P3) ngày 13/01/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận: Khẩu súng dài 50cm được niêm phong trong ký hiệu T4 gửi giám định là súng tự chế thuộc loại vũ khí có tính năng, tác dụng tương tự vũ khí quân dụng không phải là vũ khí quân dụng. Sử dụng loại súng này bắn đạn vào cơ thể người gây chết hoặc bị thương.

Bản cáo trạng số 24/CT-VKS ngày 20 tháng 4 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Nguyễn Lâm T về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự. Phân công Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm đối với vụ án theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Lâm T khai nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo xác định do quen biết Phạm Thị H nên khi H nhờ mang súng về cất hộ bị cáo đã đồng ý và mang khẩu súng trường về nhà thuê trọ ở tổ b, phường HVT, TPTN đồng thời sợ bị phát hiện đã tự tháo các bộ phận của súng để tránh bị phát hiện, ngoài ra còn cất giữ một số vật dụng khác như nội dung cáo trạng truy tố là đúng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Lâm T đã phạm tội: “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Lâm T từ 24-30 tháng tù.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) khẩu súng K44, 01 (một) áo sơ mi dài tay màu đen đã cũ. Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 Buộc Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ.

Phần tranh luận: Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, Lời nói sau cùng bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Nguyên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết

định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

1.2 Về nhân thân, lý lịch của bị cáo:

Quá trình điều tra tại bản án số 138 ngày 20/5/1997 Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt 36 tháng tù đối với Nguyễn Văn T (sinh năm 1976) về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” không phải là Nguyễn Lâm T (sinh năm 1975) đang bị khởi tố, điều tra. Cơ quan điều tra công an tỉnh Thái Nguyên đã Trưng cầu giám định tại Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên nội dung: Đường vân in trên mẫu cần giám định A1, A2 với đường vân in trên mẫu so sánh B1, B2 có phải của cùng một người hay không. Mẫu cần giám định: Bản gốc Danh bản, chỉ bản số 434 lập ngày 23/4/1997 của Nguyễn Văn T, sinh ngày 20/9/1976, nơi thường trú: tổ i, phường HVT, TPTN do Cục hồ sơ nghiệp vụ cung cấp ký hiệu B1, B2.

Tại bản kết luận giám định số 348/KL-KTHS ngày 26/2/2020 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: Dấu vân tay in trên chỉ bản cần giám định (ký hiệu B1;B2) so với dấu vân tay in trên chỉ bản mẫu so sánh (ký hiệu A1,A2) do cùng một người in ra. Tại phiên tòa bị cáo Tùng xác định năm 1997 có khai mình có tên là Nguyễn Văn T và bị xét xử như trên là đúng, Do đó Hội đồng xét xử xác định việc truy tố và đưa ra xét xử đối với bị cáo Nguyễn Lâm T có nhân thân lai lịch như trên là đúng quy định.

[2] Nhận định của Hội đồng xét xử về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Lâm T tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn khách quan, phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án như biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với lời khai của người làm chứng; phù hợp với vật chứng thu giữ, Kết luận giám định Viện khoa học hình sự, Bộ Công an. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Hồi 06 giờ ngày 14/11/2019 Cơ quan CSĐT công an tỉnh Thái nguyên khám xét tại nơi thuê trọ của Nguyễn Lâm T, thuộc tổ b, phường HVT, TPTN thu giữ 01 khẩu súng dài khoảng 1,2m, có báng súng bằng gỗ dài 82cm, thân súng dài 70cm, phần thân súng có ký hiệu 1943ΓBM1888, búa đập có ký hiệu Φ5999, súng có các bộ phận gồm báng súng, nòng súng, băng đạn, cò súng, búa đập, kim hỏa thước ngắm. Kết luận giám định của Viện khoa học hình sự Bộ công an xác định là súng trường K44, là vũ khí quân dụng. Ngoài ra khám xét nơi ở của Nguyễn Lâm T còn thu giữ 01 dao loại tự chế, 01 kiếm dạng tự chế, 01 dao quắm, 01 khẩu súng tự chế bằng kim loại chiều dài 50cm, báng gỗ dài 40cm, thân súng dài 35,5cm, súng có các bộ phận của súng gồm cò súng, búa đập, nòng súng, kết luận giám định của Viện khoa học hình sự Bộ công an xác định là súng tự chế thuộc loại vũ khí có tính năng, tác dụng tương tự như vũ khí quân dụng, không phải là vũ khí quân dụng.

[3] Với hành vi tháo, cất giấu vũ khí quân dụng không được cấp phép, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự.

[4] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo xâm phạm hoạt động quản lý, sử dụng vũ khí của nhà nước, xâm phạm đến trật tự trị an, an toàn xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi buộc bị cáo nhận thức được việc cất giữ vũ khí quân dụng là nguy hiểm, chỉ có những cá nhân, cơ quan, tổ chức được Nhà nước cho phép mới được cất giữ, sử dụng vũ khí quân dụng, tuy nhiên bị cáo vẫn thực hiện hành vi tháo từng bộ phận của súng để cất giấu nhằm tránh sự phát hiện của người khác, hành vi của bị cáo tiềm ẩn nguy cơ xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe và tài sản của người khác do đó cần xử lý nghiêm đối với bị cáo để giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, mẹ bị cáo là bà Vũ Thị L được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, tuy nhiên bị cáo có nhân thân xấu, nhiều lần bị xét xử về hành vi phạm tội khác nhau, do đó Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 304 Bộ luật hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến năm 50.000.000 đồng.*” do đó Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo để răn đe, phòng chống tội phạm chung.

[7] Xử lý vật chứng vụ án:

[7.1] Đối với khẩu súng K44 là vũ khí quân dụng và 01 áo sơ mi dài tay đã cũ bị cáo sử dụng để bọc súng cần tịch thu tiêu hủy.

[7.2] Đối với 01 rìu bằng kim loại, 02 dao đã thu giữ, ngày 24/3/2020 Cơ quan an ninh điều tra đã quyết định xử lý đồ vật trả lại cho chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1974, trú tại tổ i, thị trấn HS, huyện PB, tỉnh TN là chị gái bị cáo quản lý sử dụng, tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7.3] Đối với 01 khẩu súng tự chế không phải là vũ khí quân dụng, 02 thanh kiếm tự chế bằng kim loại ngày 23/4/2020 Trưởng phòng cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0033468/QĐ-XPHC với mức phạt 3.000.000 đồng về hành vi Không giao nộp vũ khí theo quy định nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Các vấn đề khác

[9.1] Đối với Nguyễn Đại Q tại cơ quan điều tra xác định là người đi cùng bị cáo Nguyễn Lâm T xuống nhà Phạm Thị H tối ngày 13/11/2019 tuy nhiên Q xác định chỉ nhìn thấy H và T cùng đi xe Honda SH, khi Q đón xe Taxi và chờ ở cổng viện thì thấy H có đưa cho T một vật kín bên ngoài bằng bao tải nhưng Q không biết là gì, khi Q hỏi T nói là dao cầm hộ H. Khi về nhà trọ Q ở ngoài quét sân nên không biết T mang vật được bọc kín vào trong nhà là gì, khi được T nhờ cất vật được bọc bởi áo sơ mi đen Q cũng không biết là gì chỉ cất giúp do đó Hội đồng xét xử không xem xét đối với hành vi của Q.

[9.2] Đối với Nguyễn Quang T1 (tức T1 A) quá trình điều tra T xác định khẩu súng K44 là của T cầm cho H tuy nhiên quá trình điều tra T và H không thừa nhận nội dung này nên chưa có căn cứ xác định khẩu súng K44 là của Tuấn.

[9.3] Nguồn gốc khẩu súng K44, qua giám định là vũ khí quân dụng, quá trình điều tra ban đầu T khai mua của một người phụ nữ không quen biết ở đường tròn Gang Thép, sau đó xác định cất giữ hộ Phạm Thị H, sinh năm 1979, trú tại tổ 28, phường Trung Thành, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, quá trình điều tra đã tiến hành đối chất giữa T và H tuy nhiên H không thừa nhận việc đưa khẩu súng K44 hoặc đồ vật gì cho T vào rạng sáng ngày 14/11/2019 nên chưa có căn cứ để xác định H có liên quan đến việc cất giấu súng của T.

[9.4] Đối với Nguyễn Đức H và Nguyễn Thị T cho Nguyễn Lâm T thuê nhà với mục đích để ở, quá trình điều tra hai người trên xác định không biết việc bị cáo Tùng tàng trữ vũ khí trong nhà nên chưa có căn cứ xem xét.

Mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa xét thấy là phù hợp, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự

QUYẾT ĐỊNH

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Lâm T phạm tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”

[2] Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 304; Điều 38; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Xử phạt: Nguyễn Lâm T 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/11/2019

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, Quyết định tạm giam bị cáo Tùng 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

[3] Hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) sung ngân sách nhà nước.

[4] Xử lý vật chứng vụ án: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

[4.1] Giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) khẩu súng trường K44, số hiệu 1943ГBM1888, không rõ nguồn gốc.

(Theo như biên bản số 01/BB/NVC ngày 10/01/2020 giữa Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Thái Nguyên với Đại đội 29, Phòng kỹ thuật, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên)

[4.2] Giao cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên tịch thu tiêu hủy: 01 (một) áo sơ mi dài tay màu đen.

(Hiện vật chứng nêu trên đang lưu giữ tại kho của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên theo biên bản giao nhận số 259 lập ngày 20/4/2020).

[5] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Lâm T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm sung ngân sách nhà nước.

[6] Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo Nguyễn Lâm T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố Thái Nguyên;
- Công an thành phố Thái Nguyên;
- THADS thành phố Thái Nguyên;
- Trại tạm giam công an tỉnh TN;
- Thi hành án hình sự;
- Bị cáo;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Bích Hiền